TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2023/DS-ST
Ngày: 02/6/2023
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Lê Bình Nguyên
2.Bà Phạm Thị Thu Hồng
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Võ Thị Cẩm Trang - Thư ký Tòa án.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐST-DS ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C;

Địa chỉ: 108, Trần Hưng Đạo, quận Hoàn K, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bình M – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh Tuấn L – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C, chi nhánh B

Địa chỉ: 14C1 Đại Lộ Đồng Khởi, phường A, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh Minh Ch – Chức vụ: Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - chi nhánh B

Địa chỉ: 02 Đại lộ Đồng Khởi, phường A, thành phố Bế, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1986

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: 144D, ấp 3, xã N, thành phố B, tỉnh B

(Ông Chung có mặt, ông T bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương (TMCP) Việt Nam do ông Trịnh Minh Chung đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bến Tre đã cho ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N vay vốn theo Hợp đồng cho vay sau:

Hợp đồng cho vay số: 24913.031/2022/HĐCV/NHCT78009 ngày 15/03/2022. Số tiền cho vay là 700.000.000 đồng. Mục đích vay phục vụ thanh toán chi phí mua sắm thiết bị gia đình. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh 01 tháng 01 lần. Hình thức thanh toán trả trong 60 kỳ bào gồm vốn và lãi trên dư nợ. Ông T bà N đã nhận đủ tiền theo giấy nhận nợ ngày 15/3/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 325727; số vào sổ CS06053 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 05/11/2021 cho bà Nguyễn Thị N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/NHCT78009 ngày 04/03/2022 được Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân công chứng ngày 04/03/2022, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Tre ngày 04/03/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T bà N chỉ thanh toán được 07 kỳ, đến kỳ thứ 08 ông bà không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Khoản vay phát sinh nợ quá hạn từ ngày 16/11/2022. Tổng dư nợ của ông T bà N tính đến ngày 01/6/2023 là 670.552.814 đồng, trong đó nợ gốc là 618.380.000 đồng, nợ lãi là 49.032.092 đồng, lãi phạt là 2.870.722 đồng. Ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay nêu trên. Mặc dù, Ngân hàng TMCP C đã tích cực đôn đốc nhưng ông T, bà N vẫn không thực hiện trả nợ đúng theo cam kết tại Hợp đồng cho vay đã ký, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP C.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả lãi và các khoản phí khác tính đến hết ngày 01/6/2023 là 670.552.814 đồng, trong đó nợ gốc là 618.380.000 đồng, nợ lãi là 49.032.092 đồng, lãi phạt là 2.870.722 đồng. Yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N tiếp tục trả lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay này trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong. Trong trường hợp, ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP

C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng bị đơn là ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, đồng thời không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N trả số tiền đã vay theo các hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết, thực hiện tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự,

[4] Về nội dung vụ án:

Giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bến Tre và ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N đã ký kết Hợp đồng cho vay số: 24913.031/2022/HĐCV/NHCT78009 ngày 15/03/2022. Theo đó Ngân hàng cho ông T bà N vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ thanh toán chi phí mua sắm thiết bị gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, hình thức thanh toán trả trong 60 kỳ bào gồm vốn và lãi trên dư nợ.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 325727; số vào sổ CS06053 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 05/11/2021 cho bà Nguyễn Thị N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/NHCT78009 ngày 04/03/2022 được Văn

phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân công chứng ngày 04/03/2022, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Tre ngày 04/03/2022.

[3] Xét thấy, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, đồng thời hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng theo đúng quy định nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N chỉ thực hiện nghĩa vụ thanh toán được 07 kỳ với tổng số tiền gốc và lãi là 81.620.000 đồng, sau đó ông bà đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần thông báo, đôn đốc yêu cầu ông T bà Nhung trả nợ nhưng ông bà không thực hiệc, do đó ông T bà Nhung đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã được các bên thỏa thuận, ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà N phải trả nợ vay cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo đó tổng số nợ tính đến hết ngày 01/6/2023 là 670.552.814 đồng, trong đó nợ gốc là 618.380.000 đồng, nợ lãi là 49.032.092 đồng, lãi phạt là 2.870.722 đồng.

[5] Theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản, các bên thỏa thuận khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Vì vậy, trong trường hợp ông T và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/NHCT78009 ngày 04/03/2022 để thu hồi nợ nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C được chấp nhận nên ông T, bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là: 670.552.814 đồng = 20.000.000 đồng + (370.552.814 đồng x 4%) = 34.822.112 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đối với ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị N về tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C toàn bộ số nợ tính đến hết ngày 01/6/2023 là 670.552.814 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu năm trăm năm hai nghìn tám trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 618.380.000 đồng (Sáu trăm mười tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), nợ lãi là 49.032.092 đồng (Bốn chín triệu ba hai nghìn chín hai đồng), lãi phạt là 2.870.722 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng cho vay đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - chi nhánh tỉnh Bến Tre và ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị N kể từ ngày 02/6/2023 cho đến khi ông T bà Nhunm trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

1.2. Trường hợp ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DC 325727, số vào sổ CS06053 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 05/11/2021 cho bà Nguyễn Thị N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 027/2022/HĐBĐ/NHCT78009 ngày 04/03/2022 được Văn phòng Công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc Hân công chứng ngày 04/03/2022, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Tre ngày 04/03/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N phải nộp là 34.822.112 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi hai nghìn một trăm mười hai đồng)

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 14.859.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm năm chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002710 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở